TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST
Ngày: 14-8-2025.
"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngưng; ông Nguyễn Văn Còn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Huỳnh Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính.

Địa chỉ: Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee A. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV A. Người đại diện: Ông Nguyễn Tất T (theo văn bản ủy quyền số: 06/2024/GUQ - MAFC ngày 02/4/2024)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Phòng số 401, tầng 4, tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân S, phường Tân Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2024). Vắng mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Ngọc T, sinh năm: 1995; cư trú tại: Tổ 10 ấp Long Thịnh, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/11/2022, Công ty tài chính và chị Phạm Ngọc T có ký kết Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3990495 (sau đây ghi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho chị T với nội dung như sau: Số tiền vay: 32.310.000 đồng, bao gồm số tiền giải ngân là 30.000.000 đồng và 2.310.000 đồng phí bảo hiểm. Thời hạn vay: 24 tháng (từ ngày 25/12/2022 đến ngày 25/11/2024). Lãi suất: 48%/năm. Công ty đã giải ngân theo phiếu báo nợ ngày 25/11/2022 vào tài khoản số 0381000487216 của chị T mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Sau khi được giải ngân chị T đã thanh toán 14.920.489 đồng (Trong đó: tiền gốc đã trả: 6.565.608 đồng; Lãi đã trả: 8.261.617 đồng; Lãi chậm trả đã trả: 9.264 đồng; Phí thu hộ đã trả: 84.000 đồng). Tuy nhiên, từ ngày 13/6/2023, chị T đã không thanh toán đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính đã giải ngân.

Công ty đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị chị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Tuy nhiên, chị T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty Tài chính.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng chị T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc chị T thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính từ ngày 25/7/2023 (ngày chuyển nợ quá hạn) đến ngày 14/8/2025 là: 61.036.508 đồng. Cụ thể: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 25.744.392 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 9.471.404 đồng; Số tiền lãi quá hạn 24.265.031 đồng; - Số tiền lãi chậm trả: 1.555.681 đồng.

Ngoài ra Công ty còn yêu cầu Tòa án buộc chị T phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 15/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Diễn giải công thức tính lãi như sau:

- Lãi trong hạn = Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

- Lãi quá hạn: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

+ Số tiền lãi quá hạn từng kỳ:

= 150% x Lãi suất% x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

+ Số tiền lãi quá hạn:

= Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

- Lãi chậm trả: (Quy định tại khoản 8.3 Điều 8 của HĐTD)

+ Số tiền lãi chậm trả từng kỳ:

= 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày

+ Số tiền lãi chậm trả:

= Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi)

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Điều 8.3 Hợp đồng tín dụng, khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Công ty nước ngoài đối với khách hàng.

Bị đơn chị Phạm Ngọc T trình bày tại BBLLK ngày 23/7/2025: Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3990495 ngày 21/11/2022. Chị đã trả cho công ty khoảng 20.000.000 đồng. Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng nguyên đơn tính lãi cao, chị T đồng ý trả cho Công ty số tiền 25.000.000 đồng nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: + Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng của Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset đối với chị Phạm Ngọc T. Buộc chị T phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc theo HĐ tín dụng là 25.744.392 đồng và lãi, phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định. Công ty tài chính không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu chị Phạm Ngọc T trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có nơi cư trú tại xã LK, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; nay là xã LT, tỉnh Tây Ninh; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 10 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân Tối cao thì Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty tài chính là công ty có 100% vốn nước ngoài, được Ngân hàng Nhà nước cấp phép hoạt động theo Giấy phép số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021, trong đó có hoạt động cấp tín dụng (cho vay trả góp, vay tiêu dùng).

[2.2] Ngày 21/11/2022, Công ty có ký kết với chị Phạm Ngọc T hợp đồng tín dụng số 3990495, nội dung: Chị T vay số tiền 30.000.000 đồng, phí bảo hiểm 2.310.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 24 tháng, lãi suất: 48%/năm. Ngày 25/11/2022, Công ty đã giải ngân cho chị T.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, chị T đã trả cho Công ty số tiền 14.920.489 đồng. Trong đó: tiền gốc đã trả là 6.565.608 đồng; Lãi đã trả là 8.261.617 đồng; Lãi chậm trả đã trả là 9.264 đồng; Phí thu hộ đã trả là 84.000 đồng). Công ty đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng chị T vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty khởi kiện. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14/8/2025), Công ty yêu cầu chị T trả tổng số tiền 61.036.508 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 25.744.392 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.471.404 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.265.031 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.555.681 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị T thanh toán xong tất cả các khoản tiền.

[2.4] Chị T thừa nhận có ký kết với Công ty Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 3990495, tuy nhiên không đồng ý với yêu cầu của công ty, chị chỉ đồng ý trả cho Công ty số tiền 25.000.000 đồng, chị T cho rằng đã trả cho công ty khoảng 20.000.000 đồng. Công ty thừa nhận chị T đã trả tổng cộng 14.920.489 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.5] Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Luật các

tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty khởi kiện là có căn cứ. Chị T trình bày đã trả cho Công ty số tiền khoảng 20.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, Công ty không thừa nhận nội dung này. Chị T cho rằng công ty tính lãi cao là không có căn cứ, bởi vì lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Thông tư 43/2016/TT-NHNN và Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Công ty nên chị T phải chịu án phí. Hoàn trả cho Công ty tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 90, 91 Luật các Tổ chức tín dụng (Luật số 47); Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính đối với chị Phạm Ngọc T.

Buộc chị Phạm Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính số tiền 61.036.508 đồng đồng; trong đó, dư nợ gốc là 25.744.392 đồng, tiền lãi trong hạn là 9.471.404 đồng, tiền lãi quá hạn là 24.265.031 đồng, tiền lãi chậm trả là 1.555.681 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị T thanh toán xong tất cả các khoản tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Phạm Ngọc T chưa thi hành xong số tiền trên cho Công ty thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Ngọc T phải chịu 3.051.825 (ba triệu không trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty tài chính 943.135 đồng (chín trăm bốn mươi ba nghìn một trăm ba mươi lăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0081662 ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Oanh